

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/KDTM-ST

Ngày: 15/7/2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Hậu.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên
tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 80/2022/TLST-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2024/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VP (VPBank);

Địa chỉ: Số 89, Láng Hạ, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng VPBank).

Ông Đỗ Thanh Trung ủy quyền lại cho Ông Phạm Đức C, sinh năm 1997 và ông Ma Khắc Khiêm, sinh năm 1990 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 465/2023/UQ-PGD ngày 03/2/2023).

Địa chỉ: phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Công ty cổ phần C.**

Địa chỉ: Số 13, tổ 42, khu phố 9, phường Tân P, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Tuấn H, sinh năm 1980 - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Đức Tuấn H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu phố 9, phường Tân P, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông **Nguyễn Tư H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: đường Xuân 68, phường T, thành phố H, tỉnh T.

(Ông C có mặt; Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai – Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Phạm Đức Chính trình bày:

Công ty Cổ phần C (sau đây gọi tắt là Công ty C) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP VP (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/H11/18/0148/HDHM ngày 25/7/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: H11/19129 ngày 14/11/2019 cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-01 ngày 14/11/2019, số tiền vay 440.535.920 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 23,1%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 14/11/2019, ngày đến hạn 14/11/2020.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-02 ngày 06/12/2019, số tiền vay 120.035.427 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 06/12/2019, ngày đến hạn 06/12/2020.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-03 ngày 17/01/2020, số tiền vay 109.707.290 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 17/01/2020, ngày đến hạn 17/01/2021.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-04 ngày 10/02/2020, số tiền vay 128.766.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 10/02/2020, ngày đến hạn 10/02/2021.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-05 ngày 28/2/2020, số tiền vay 123.000.00 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 28/02/2020, ngày đến hạn 28/02/2021.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-06 ngày 27/3/2020, số tiền vay 113.300.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 27/03/2020, ngày đến hạn 27/03/2021.

- Khế ước nhận nợ số: MBD/H11/18/0148/HDHM-06 ngày 29/3/2019, số tiền vay 27.398.421 đồng thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.7%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 29/3/2019, ngày đến hạn 29/3/2020.

- Khế ước nhận nợ số: MBD/H11/18/0148/HDHM-07 ngày 08/7/2019, số tiền vay 448.756.645 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 23%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 08/7/2019, ngày đến hạn 08/7/2020.

Tổng số tiền Ngân hàng cho Công ty Cổ phần C vay là 1.511.499.703 đồng (Một tỷ năm trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm lẻ ba đồng). Khoản tín dụng cấp cho Công ty Cổ phần C được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Đức Tuấn H và ông Nguyễn Tư H theo các Hợp đồng bảo lãnh số: MND/11/18/0148/HDBL.01 ngày 25/7/2018; Hợp đồng bảo lãnh số: H11/19130 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/H11/18/0148/HDBL.02 ngày 25/7/2018. Khoản tín dụng cấp cho Công ty Cổ phần C không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty Cổ phần C thanh toán được số tiền gốc 598.378.000 đồng, tiền nợ gốc còn lại 913.121.703 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty Cổ phần C để yêu cầu hoàn trả nợ vay còn lại nhưng Công ty Cổ phần C cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 15/7/2024, Công ty Cổ phần C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 2.077.721.398 đồng (Hai tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn ba trăm chín tám đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc: 913.121.703 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.157.991 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.128.337.427 đồng; Nợ lãi chậm trả: 10.104.277 đồng;

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/ Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ còn nợ tính đến hết ngày 15/7/2024 là: 2.077.721.398 đồng (Hai tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn ba trăm chín tám đồng). Trong đó: Nợ gốc: 913.121.703 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.157.991 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.128.337.427 đồng; Nợ lãi chậm trả: 10.104.277 đồng.

Kể từ ngày 16/7/2024, Công ty Cổ phần C vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

2/ Trong trường hợp Công ty Cổ phần C không thanh toán được số tiền trên thì ông Nguyễn Đức Tuấn H và ông Nguyễn Tư H có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

3/Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng thì Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần C phải hoàn trả cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

- Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần C là ông Nguyễn Đức Tuấn H đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần C. Quá trình vay đúng như đại diện Ngân hàng TMCP VP đã trình bày. Công ty có vay Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: MBD/H11/18/0148/HDHM ngày 25/7/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: H11/19129 ngày 14/11/2019 cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-01 ngày 14/11/2019, số tiền vay 440.535.920 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 23,1%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 14/11/2019, ngày đến hạn 14/11/2020.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-02 ngày 06/12/2019, số tiền vay 120.035.427 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 06/12/2019, ngày đến hạn 06/12/2020.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-03 ngày 17/01/2020, số tiền vay 109.707.290 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 17/01/2020, ngày đến hạn 17/01/2021.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-04 ngày 10/02/2020, số tiền vay 128.766.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 10/02/2020, ngày đến hạn 10/02/2021.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-05 ngày 28/2/2020, số tiền vay 123.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 28/02/2020, ngày đến hạn 28/02/2021.

- Khế ước nhận nợ số: H11/19129-06 ngày 27/3/2020, số tiền vay 113.300.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.8%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 27/03/2020, ngày đến hạn 27/03/2021.

- Khế ước nhận nợ số: MBD/H11/18/0148/HDHM-06 ngày 29/3/2019, số tiền vay 27.398.421 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22.7%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 29/3/2019, ngày đến hạn 29/3/2020.

- Khế ước nhận nợ số: MBD/H11/18/0148/HDHM-07 ngày 08/7/2019, số tiền vay 448.756.645 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 23%/tháng, điều chỉnh 01 tháng/ lần, ngày giải ngân 08/7/2019, ngày đến hạn 08/7/2020.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần C vay của Ngân hàng TMCP VP là 1.511.499.703 đồng. Quá trình vay Công ty Cổ phần C có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 598.378.000 đồng, tiền nợ gốc còn lại 913.12.703 đồng.

Nhưng trong quá trình hoạt động Công ty gặp khó khăn trong công việc buôn bán dẫn đến thâm hụt tiền vốn sau dịch. Công ty đã cố gắng trả nợ cho Ngân hàng nhưng không được, bắt buộc đóng cửa dừng hoạt động và chờ làm thủ tục phá sản. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty Cổ phần C phải thanh toán tổng số tiền là 2.037.560.518 đồng. Trong đó: Nợ gốc khoản vay: 913.121.703 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.157.991 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.088.525.321 đồng;

Nợ lãi chậm trả: 9.755.504 đồng; Công ty đồng ý thanh toán số tiền 2.037.560.518 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/5/2024 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp Công ty Cổ phần C không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, ông đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Tư H thanh toán số tiền còn nợ của Công ty cho Ngân hàng theo các Hợp đồng bảo lãnh số: MND/11/18/0148/HDBL.01 ngày 25/7/2018; Hợp đồng bảo lãnh số: H11/19130 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/H11/18/0148/HDBL.02 ngày 25/7/2018 đã ký.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng của vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn, bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Tuấn H đã chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Người có nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tư H không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. buộc Công ty Cổ phần C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 2.077.721.398 đồng. Trong đó nợ gốc là: 913.121.703 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.157.991 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.128.337.427 đồng; Nợ lãi chậm trả: 10.104.277 đồng cùng với tiền lãi phát sinh từ ngày 16/7/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: MBD/H11/18/0148/HDHM ngày 25/7/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: H11/19129 ngày 14/11/2019 cho đến khi Công ty C thanh toán hết khoản nợ nêu trên.

Trường hợp Công ty Cổ phần C không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Đức Tuấn H, ông Nguyễn Tư H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP VP số tiền mà Công ty Cổ phần C còn nợ Ngân hàng TMCP VP theo các Hợp đồng bảo lãnh số: MND/11/18/0148/HDBL.01 ngày 25/7/2018; Hợp đồng bảo lãnh số: H11/19130

ngày 14/11/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/H11/18/0148/HDBL.02 ngày 25/7/2018 đã ký.

- Về án phí: Công ty Cổ phần C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình làm việc Tòa án có triệu tập ông Nguyễn Tư H đến Tòa án làm việc nhưng ông H1 vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của ông H1 tại công an phường Thuận Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thì được cung cấp: Ông Nguyễn Tư H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 217 đường Xuân 68, phường Thuận Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng ông H1 hiện không còn sinh sống tại địa phương, hiện nay ông H1 ở đâu địa phương không nắm rõ. Do đó, Tòa án đã thực hiện đăng trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông H1 về việc thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông H1 vẫn có tình vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Đức Tuấn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Tư H, ông Nguyễn Đức Tuấn H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện Công ty Cổ phần C trả số tiền đã vay theo Hợp đồng hạn mức số MBD/H11/18/0148/HDHM ngày 25/7/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: H11/19129 ngày 14/11/2019 và các khế ước nhận nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần C có địa chỉ tại thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[4] Về tư cách đương sự: Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định Ngân hàng TMCP VP là nguyên đơn; Công ty cổ phần C là bị đơn; ông Nguyễn Đức Tuấn H, ông Nguyễn Tư H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số MBD/H11/18/0148/HDHM ngày 25/7/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: H11/19129 ngày 14/11/2019 và các khế ước nhận nợ số: H11/19129-01 ngày 14/11/2019, số: H11/19129-02 ngày 06/12/2019, số: H11/19129-03 ngày 17/01/2020, số: H11/19129-04 ngày 10/02/2020, số: H11/19129-05 ngày 28/2/2020, số: H11/19129-06 ngày 27/3/2020, số: MBD/H11/18/0148/HDHM-07 ngày 08/7/2019 giữa Ngân hàng VP và Công ty Cổ phần C, bản tự khai của ông Nguyễn Đức Tuấn H cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo Đơn khởi kiện thì đã có đủ cơ sở để xác định Công ty Cổ phần C đã vay của Ngân hàng tổng số tiền: 1.511.499.703 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 15/7/2024 Công ty Cổ phần C còn nợ số tiền là: 2.077.721.398 đồng. Trong đó nợ gốc là: 913.121.703 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.157.991 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.128.337.427 đồng; Nợ lãi chậm trả: 10.104.277 đồng. Tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông Nguyễn Đức Tuấn H đều thừa nhận nợ. Mặt khác, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã cung cấp, không trái với các quy định của pháp luật.

Do đó căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ Luật dân sự cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty Cổ phần C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 2.077.721.398 đồng. Trong đó nợ gốc là: 913.121.703 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.157.991 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.128.337.427 đồng; Nợ lãi chậm trả: 10.104.277 đồng cùng với tiền lãi phát sinh từ ngày 16/7/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: MBD/H11/18/0148/HDHM ngày 25/7/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: H11/19129 ngày 14/11/2019 cho đến khi Công ty C thanh toán hết khoản nợ nêu trên.

Trường hợp Công ty Cổ phần C không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Đức Tuấn H, ông Nguyễn Tư H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP VP số tiền mà Công ty Cổ phần C còn nợ Ngân hàng TMCP VP theo các Hợp đồng bảo lãnh số: MND/11/18/0148/HDBL.01 ngày 25/7/2018; Hợp đồng bảo lãnh số: H11/19130 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/H11/18/0148/HDBL.02 ngày 25/7/2018 đã ký.

[3] Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng đã nộp là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) thì buộc Công ty cổ phần C phải hoàn trả cho Ngân hàng là phù hợp do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

[4] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần C phải chịu 73.554.428 đồng (Bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP VP số tiền: 28.769.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00004596 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[5]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và đương sự:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.
- Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 30, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 429, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ Luật Dân sự; khoản 3 Điều 317 Luật Thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VP đối với Công ty Cổ phần C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty cổ phần C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP VP tổng số tiền 2.077.721.398 đồng (Hai tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn ba trăm chín lăm đồng). Trong đó nợ gốc là: 913.121.703 đồng (Chín trăm mười ba triệu một trăm hai mươi một nghìn bảy trăm lẻ ba đồng); Nợ lãi trong hạn: 26.157.991 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi một đồng); Nợ lãi quá hạn: 1.128.337.427 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng); Nợ lãi chậm trả: 10.104.277 đồng (Mười triệu một trăm lẻ bốn nghìn hai trăm hai bảy đồng), cùng với tiền lãi phát sinh từ ngày 16/7/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: MBD/H11/18/0148/HDHM ngày 25/7/2018 và Hợp đồng cho vay hạn mức số: H11/19129 ngày 14/11/2019 cho đến khi Công ty C thanh toán hết khoản nợ nêu trên.

Trường hợp Công ty Cổ phần C không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Đức Tuấn H, ông Nguyễn Tư H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP VP số tiền mà Công ty Cổ phần C còn nợ Ngân hàng TMCP VP theo các Hợp đồng bảo lãnh số: MND/11/18/0148/HDBL.01 ngày 25/7/2018; Hợp đồng bảo lãnh số: H11/19130 ngày 14/11/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số: MBD/H11/18/0148/HDBL.02 ngày 25/7/2018 đã ký.

- Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc Công ty cổ phần C phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP VP số tiền là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần C phải chịu 73.554.428 đồng (Bảy mươi ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP VP số tiền: 28.769.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00004596 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Phương tiện thông tin đại chúng;
- Lưu Hồ sơ- Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quỳnh

